

Đăk Lăk, ngày 18 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Dự án rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ea Kar đến năm 2020.



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 87/2009/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đăk Lăk đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 11/01/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

Căn cứ Công văn số 3963/UBND-CN ngày 16/12/2005 của UBND tỉnh về chủ trương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể các huyện, thành phố;

Xét Báo cáo thẩm định số 245/BCTĐ ngày 27/12/2013 của Hội đồng Thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ea Kar đến năm 2020; Công văn số 399/SKHĐT-TH ngày 02/4/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, về việc đề nghị phê duyệt dự án rà soát, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ea Kar đến năm 2020 và Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 05/03/2014 của UBND huyện Ea Kar,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án rà soát quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ea Kar đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN:

Phát huy sức mạnh đoàn kết của các dân tộc, các tôn giáo; giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; khai thác có hiệu quả các tiềm năng và

lợi thế; huy động và sử dụng tốt các nguồn lực để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu đầu tư, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nông nghiệp và nông thôn. Gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân lên bằng hoặc cao hơn mức bình quân của tỉnh. Coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, khoa học công nghệ, tạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; trước hết tập trung vào lĩnh vực nông - lâm nghiệp gắn với việc đầu tư phát triển công nghiệp chế biến và phát triển mạnh ngành dịch vụ nhằm đạt yêu cầu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới; hoàn thiện từng bước kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giảm nghèo, giải quyết nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho mọi tầng lớp lao động, giảm bớt sự cách biệt thu nhập giữa các cộng đồng dân cư trong huyện.

Quy hoạch, xây dựng đô thị, trung tâm xã và các điểm dân cư mới, tạo ra vùng động lực, bố trí hợp lý nền kinh tế theo vùng và lãnh thổ. Tạo chuyển biến cơ bản về văn hóa, giáo dục, y tế và các vấn đề xã hội khác. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao mặt bằng dân trí, đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề, tập trung cho một số lĩnh vực, ngành trọng yếu để có khả năng tiếp nhận ứng dụng khoa học kỹ thuật, tiến bộ công nghệ mới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đồng thời kết hợp chặt chẽ kinh tế với an ninh quốc phòng, trật tự xã hội và gắn với công tác bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kinh tế:

- Tăng trưởng kinh tế: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (GTSX) bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2020 (theo giá so sánh 2010) từ 11 - 12%. Quy mô kinh tế đến năm 2020 gấp khoảng 3 lần năm 2010.

+ Thời kỳ 2011-2015: Giá trị sản xuất tăng bình quân 12 - 12,5%/năm, trong đó nông lâm nghiệp, thủy sản tăng 8 - 9%, công nghiệp - xây dựng tăng 18 - 19%, dịch vụ tăng 15,5 - 16,5%.

+ Thời kỳ 2016-2020: Giá trị sản xuất tăng bình quân 10,5 - 11,5%/năm, trong đó: nông lâm thủy sản tăng bình quân 5 - 6%/năm, công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 15 - 16%/năm và dịch vụ tăng bình quân 16,5 - 17,5%/năm.

- Cơ cấu kinh tế năm 2015: Nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 57 - 58%, Công nghiệp - xây dựng chiếm 25 - 26%; Thương mại - dịch vụ chiếm 16 - 17%; đến năm 2020, cơ cấu kinh tế tương ứng là 49 - 50%, 29 - 30% và 21 - 22%.

- Thu nhập bình quân người năm 2015 đạt 39 - 40 triệu đồng, năm 2020 đạt

70 - 71 triệu đồng.

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách hàng năm tăng bình quân năm 11 - 12% giai đoạn 2011 - 2015 và 14 - 15% giai đoạn 2016 - 2020.

- Tổng nhu cầu đầu tư toàn xã hội (*theo giá hiện hành*) thời kỳ 2011-2015 khoảng 5.000 - 5.100 tỷ đồng (tăng 2,28 lần so với thời kỳ 2006-2010), thời kỳ 2015-2020 khoảng 8.700 - 8.900 tỷ đồng (tăng 1,75 lần so với thời kỳ 2011-2015).

2.2. Phát triển cơ sở hạ tầng:

+ Thuỷ lợi: Đến năm 2015 đảm bảo tưới chủ động cho 65 - 70% cây trồng chính có nhu cầu dùng nước (cây lúa nước, cà phê); đến năm 2020 đảm bảo đủ nước tưới cho trên 95% diện tích cây trồng chính có nhu cầu tưới. Đến 2015 có 20% số xã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu về thuỷ lợi theo chương trình xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đến năm 2020 có 14/14 xã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu về tiêu chí thủy lợi.

+ Giao thông: Phấn đấu đến năm 2020 nhựa hóa hoặc bê tông hóa toàn bộ tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị; cứng hóa tối thiểu 70% tổng số km đường xã, tối thiểu 50% tổng số km đường thôn, buôn..

+ Điện: Năm 2015, 100% số thôn, buôn có điện lưới quốc gia và 98% số hộ được dùng điện. Năm 2020: Cơ bản số hộ được dùng điện.

+ Thông tin: Nâng cao chất lượng và đảm bảo 100% số xã có hệ thống thông tin. Đến năm 2015 có 130 máy điện thoại (di động, cố định) và 15 thuê bao internet/100 người dân; đến năm 2020 có 140 máy điện thoại (di động, cố định) và 18 thuê bao internet/100 người dân.

+ Hạ tầng thương mại: Năm 2015, sẽ tập trung hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật thương mại trên địa bàn. Ngoài ra, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật thương mại ở các cụm dân cư; tụ điểm kinh tế thương mại - dịch vụ, các trung tâm xã, cụm dân cư. Đến năm 2020 xây dựng trung tâm thương mại và các siêu thị trên địa bàn huyện theo quy hoạch và điều chỉnh tại quy hoạch này.

2.3. Mục tiêu xã hội:

- Giai đoạn đến năm 2015: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1%; tỷ lệ dân số thành thị chiếm 31,3%; Thành lập thị xã Ea Kar và huyện mới. Giai đoạn đến năm 2020: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,95%; tỷ lệ dân số thành thị chiếm trên 32%.

- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, phấn đấu giảm hộ nghèo còn 7% vào năm 2015; giai đoạn 2016-2020, bình quân mỗi năm giảm từ 3-3,55% tổng số hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo từng giai đoạn theo quy định của Trung ương.

- Giải quyết việc làm: Giai đoạn đến năm 2015, giải quyết việc làm cho 4.800-4.900 lao động; nâng tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo lên 35%. Giai đoạn 2016- 2020, giải quyết việc làm cho 6.700 - 6.800 lao động; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 45% trong độ tuổi lao động.

- Về giáo dục đào tạo: Đến năm 2015, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi; 40% trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó 01 trường THPT); 4 - 5 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Đến năm 2020, phấn đấu đạt giáo dục tiểu học mức độ 2; 50% trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó 03 trường THPT);

9 -10 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi.

- Về Y tế: Đến năm 2015, có 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% trạm y tế có bác sĩ và đủ điều kiện làm việc; giảm tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng xuống mức 15%; có 6 bác sĩ/ vạn dân và 25 giường bệnh/ vạn dân. Đến năm 2020, duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% trạm y tế có bác sĩ và đủ điều kiện làm việc; giảm tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng xuống mức 10%; có 07 bác sĩ/vạn dân và 30 giường bệnh/vạn dân.

- Về văn hóa - thể thao: Đến năm 2015, toàn huyện có trên 15% xã, thị trấn đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới và thị trấn đạt tiêu chuẩn văn minh đô thị; số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên chiếm 25% dân số. Đến năm 2020, toàn huyện có trên 50% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới và 50% phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn minh đô thị; số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên chiếm 40% dân số.

- Đảm bảo nước sinh hoạt cho dân cư, đến năm 2015 bảo đảm trên 90% dân cư khu đô thị và 80% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh. Đến năm 2020, 100% dân cư thành thị và nông thôn sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh với tiêu chuẩn 150 lít/người/ngày ở thị xã, 120 lít/người/ngày ở thị trấn, 100 lít/người/ngày ở khu vực nông thôn.

- Hoàn chỉnh hệ thống phòng thủ, tiếp tục xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; đảm bảo trật tự an toàn xã hội và đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.4. Về môi trường:

- Từng bước ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế của huyện. Đến năm 2015 có 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm; 75% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường vào năm 2015 và đảm bảo 100% vào năm 2020.

- Cơ bản hoàn thành việc cải tạo và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước mưa và xử lý nước thải ở khu đô thị Ea Kar, thị trấn Ea Knopp, một số thị tứ, các khu dân cư đông người, các cơ quan và Cụm công nghiệp trước năm 2015; Đến năm 2015, đảm bảo 80-85% chất thải rắn được thu gom và xử lý; xử lý được 100% chất thải bệnh viện và 100% chất thải nguy hại. Đến năm 2020, phần đầu cơ bản hoàn thành được 100% các chỉ tiêu trên.

- Phủ xanh đất trống đồi núi, tăng diện tích cây xanh ở các khu đô thị, trồng cây phân tán dọc theo các tuyến đường, cây chắn gió, che bóng cho cây trồng trong sản xuất nông nghiệp; phần đầu đến năm 2015 tỷ lệ che phủ đạt 48,5% diện tích tự nhiên; tiếp tục nâng độ che phủ trong các giai đoạn tiếp theo để điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước, tạo cảnh quan môi trường, tỷ lệ che phủ đạt trên 52% vào năm 2020.

- Nâng cao năng lực thích ứng và giảm nhẹ khả năng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu, góp phần duy trì các hoạt động kinh tế xã hội của huyện đảm bảo việc phát triển bền vững; có kế hoạch, giải pháp góp phần nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng và các hoạt động kinh tế: Các giải pháp nhằm chuẩn bị ứng phó với các rủi ro biến đổi khí hậu; các giải pháp

tránh rủi ro biến đổi khí hậu; các giải pháp tăng chống chịu rủi ro của biến đổi khí hậu. Thường xuyên cập nhật các tác động của biến đổi khí hậu để đưa ra các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH LĨNH VỰC:

1. Nông nghiệp phát triển nông thôn:

- Từng bước chuyển biến về chất đồi với sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa phải gắn liền với hình thành các vùng, các tiêu vùng chuyên canh hợp lý.

- Phát triển nông nghiệp của huyện gắn liền với việc phát triển các ngành nghề nông thôn. Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp và cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp, theo hướng tăng hiệu quả, tăng hệ số sử dụng đất, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích. Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, phát triển hợp lý giữa các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

- Khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế vườn, trang trại theo hướng chuyên môn hóa cao; đẩy nhanh quá trình hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tạo sức cạnh tranh cao. Đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi và các cơ sở hạ tầng nông thôn nhằm phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn mới

- Đưa ngành nông nghiệp phát triển ổn định, quy mô nền nông nghiệp năm 2020 gấp 1,97 lần năm 2010; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 8,55%, giai đoạn 2016-2020 đạt 5,47%. Ông định phát triển ngành trồng trọt, đẩy nhanh tốc độ phát triển các ngành chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, nhằm chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng dịch vụ và chăn nuôi, thuỷ sản.

Cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành Nông, lâm, thủy sản năm 2015: Nông nghiệp 92,69%, Lâm nghiệp 1,89%, Thuỷ sản 5,42%; Đến năm 2020 tương ứng là 88,40%; 2,10%; 9,15%. Trong đó: Cơ cấu kinh tế nội bộ ngành nông nghiệp năm 2015: Trồng trọt 55,4%, chăn nuôi 36,4%, dịch vụ nông nghiệp 8,2%; đến năm 2020 tỷ trọng các ngành tương ứng là 50,9%, 38,4%, 10,6%.

Tập trung thâm canh, tăng vụ, chuyển đổi mùa vụ, sử dụng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Đảm bảo diện tích gieo trồng nước lúa trên 11 ngàn ha vào năm 2015 và khoảng 12 ngàn ha vào năm 2020. Quy hoạch hình thành Trung tâm sản xuất lúa lai với vùng sản xuất giống lúa lai F1 đạt diện tích đến 2015 là 500 ha; năm 2020 là 1.000 ha ở các xã Cư Ni; Ea Kmút; Ea Ô và Ea Păl. Dự kiến ổn định diện tích gieo trồng ngô 16 – 17 ngàn ha, sản lượng đạt 95 -102 ngàn tấn thời kỳ 2016 – 2020; Cây sắn diện tích giảm còn 4.500 ha (năm 2015) và 4.000 ha (năm 2020); Cây khoai lang đạt từ 1,1 - 1,2 ngàn ha, sản lượng 9,8-10 ngàn tấn cho cả thời kỳ 2016-2020; Diện tích gieo trồng rau đậu lên 14.000 ha vào năm 2020, sản lượng đạt 53 ngàn tấn rau đậu các loại. Cây mía ổn định khoảng 5.000 ha với sản lượng đạt từ 310 - 318 ngàn tấn đến năm 2020.

Đối với cây công nghiệp lâu năm phát triển trong thời kỳ 2016-2020: Cà phê ổn định diện tích là 6.300 ha, thực hiện đề án phát triển cà phê bền vững, nhằm tăng hiệu quả sản xuất giá trị sản phẩm, cà phê đạt sản lượng từ 12 -13 ngàn tấn; Cây tiêu 1,4-1,5 ngàn ha, sản lượng đạt 4,2-4,5 ngàn tấn; Cây điều sẽ giảm dần, ổn định còn 2.000 ha, sản lượng đạt 2.000 tấn vào năm 2020; Cây cao su đạt 3 ngàn ha, sản lượng 1 ngàn tấn mủ cao su khô; Cây ca cao ổn định 2-2,2 ngàn ha, sản lượng 2,4-3 ngàn tấn; Cây ăn quả dự kiến đến 2020 diện tích 1,6-1,7 ngàn ha với các loại cây: sầu riêng, bơ, mít nghệ, mãng cầu, cam quýt... .

Từng bước thí điểm và phát triển thành vùng sản xuất các loại giống cây trồng, như hoa, cây cảnh.. cung cấp cho thị trường

- Phát triển mạnh trở thành ngành sản xuất kinh tế hàng hóa, phát triển chăn nuôi theo hướng phát triển đàn gia súc lớn; gắn với việc khuyến khích trồng cỏ và chế biến thức ăn chăn nuôi. Phát triển mô hình chăn nuôi công nghiệp, mô hình kinh tế trang trại để tăng hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường. Sử dụng có hiệu quả các diện tích mặt nước vào việc nuôi trồng thủy sản. Phát triển, nhân rộng các đối tượng chăn nuôi mới theo hướng sản phẩm chất lượng cao; tăng cường công tác thú y, phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm nhằm đảm bảo cho đàn gia súc, gia cầm an toàn dịch bệnh và phát triển, góp phần cải thiện vị trí ngành chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng dần tỷ trọng chăn nuôi. .

- Đẩy mạnh phương thức sản xuất nông lâm kết hợp nhằm giải quyết việc làm, ổn định cuộc sống cho đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng độ che phủ rừng, hạn chế đến mức thấp nhất nạn phá rừng, khai thác gỗ trái phép để phát triển vốn rừng theo hướng bền vững. Triển khai chương trình trồng cây phân tán và trồng rừng kinh tế tập trung; hàng năm trồng từ 100-150 ngàn cây phân tán; 300-600 ha rừng tập trung. Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ che phủ đạt 48,5%, đến năm 2020 đạt trên 52%.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm và ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, đặc biệt quan tâm cải tạo, đưa giống mới vào sản xuất, phân bón vi sinh, IPM... để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Làm tốt công tác dự báo thông tin thị trường, phát triển mạnh các dịch vụ nông nghiệp. Phát triển ngành nghề truyền thống, làng nghề và kết cấu hạ tầng kinh tế nông nghiệp, nông thôn... để tạo thêm việc làm mới, tạo bước chuyển dịch lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Thực hiện liên kết công - nông nghiệp chặt chẽ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng hoá xuất khẩu. Chủ động phòng chống thiên tai, đối phó với các diễn biến xấu của thời tiết.

2. Công nghiệp – xây dựng:

Phát triển công nghiệp - xây dựng tập trung vào công nghiệp phục vụ sản xuất và công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp mũi nhọn có chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh cao, tăng cường thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2015, giá trị sản xuất (giá SS 2010) đạt 2.757 tỉ đồng, tăng bình quân 18,6%/năm thời kỳ 2011-2015; đến năm 2020 đạt 5.649 tỉ đồng, tăng bình quân 15,4% thời kỳ 2016 - 2020.

Khuyến khích và thu hút các thành phần kinh tế trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào cụm công nghiệp và phát triển công nghiệp chế biến nông sản, chế biến thức ăn gia súc và sản xuất phân hữu cơ vi sinh, thuộc da, vật liệu xây dựng không nung, gồm sứ từ cao lanh và Fenspat... Phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng, kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng và khai thác cụm công nghiệp Ea Đar để lấp đầy 50,05 ha; quy hoạch cụm công nghiệp Ea Tyh diện tích 50 ha. Nghiên cứu tìm kiếm thị trường để định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp vùng nông thôn; gắn du lịch với làng nghề truyền thống, như: dệt thổ cẩm, đồ mỹ nghệ... Khảo sát và cải tạo mạng lưới điện và mở rộng mạng lưới điện đến các thôn buôn và vùng sản xuất công nghiệp, khu đô thị mới.

Trước mắt tập trung vào nâng cao chất lượng và đẩy mạnh đầu tư phát triển dịch vụ sửa chữa thiết bị cơ giới hoá nông nghiệp, cải tiến hoàn thiện các dây chuyền nhỏ về sấy, xay xát cà phê, sơ chế, chế biến nông sản... Khuyến khích đầu tư hộ gia đình sản xuất các mặt hàng tiêu dùng như bánh kẹo, bột ngũ cốc, bún, mộc dân dụng... và các mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống của đồng bào dân tộc như dệt thổ cẩm, mây tre... Tăng cường kêu gọi, thu hút vốn đầu tư bên ngoài đối với những mặt hàng chiến lược là chế biến cà phê, thức ăn gia súc.

3. Dịch vụ:

Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng, phát triển ngành dịch vụ của huyện phấn đấu trở thành trung tâm dịch vụ trong vùng, nhằm cung ứng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của tiểu vùng kinh tế phía Đông tỉnh. Phấn đấu đến năm 2015, ngành thương mại dịch vụ có giá trị sản xuất đạt 1.690 tỷ đồng (giá SS 2010), tăng trưởng bình quân 16%/năm (thời kỳ 2011-2015) và năm 2020 đạt 3.704 tỷ đồng, tăng trưởng 17%/năm (thời kỳ 2016-2020).

- Thương mại: Chú trọng phát triển mạng lưới thương mại khu vực đô thị, nông thôn và tăng cường công tác quản lý thị trường. Tiếp tục duy trì và phát triển các loại hình dịch vụ cho nông thôn, đáp ứng nhu cầu về cơ giới hóa nông nghiệp, vận tải nông thôn; khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao công nghệ về giống sinh học, đẩy mạnh quá trình cải tạo xây dựng nông thôn mới và công nghiệp hóa nông thôn... Phát triển siêu thị, hệ thống chợ, trung tâm thương mại theo quy hoạch mạng lưới siêu thị, chợ trên địa bàn tỉnh; khuyến khích hình thành hợp tác xã trong lĩnh vực dịch vụ.

Mục tiêu đến năm 2015: Xây dựng, nâng cấp 50% số chợ trên địa bàn đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng. Đến năm 2020: Hoàn thành nâng cấp 5/12 số chợ còn lại; xây dựng 01 trung tâm thương mại, 01 siêu thị tổng hợp, 01 siêu thị điện máy tại trung tâm huyện hiện nay. Đầu tư hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy hoạch của tỉnh.

- Tăng cường năng lực vận tải, khuyến khích đầu tư vận tải ở tất cả các thành phần kinh tế; đảm bảo nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá cho nền kinh tế. Quy hoạch, xây dựng hệ thống bến, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, các điểm dừng xe buýt từ trung tâm huyện, cụm công nghiệp, đến các xã.

- Phát triển mạng lưới tín dụng, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận với nguồn vốn tín dụng. Hiện đại hóa và mở rộng mạng lưới dịch vụ bưu chính viễn thông, phát triển dịch vụ bưu chính viễn thông, chú ý hơn nữa các loại hình dịch vụ thông tin tới nông thôn. Phát triển các dịch vụ thông tin tư vấn về công nghệ, pháp luật tài chính ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, dịch vụ văn hóa vui chơi giải trí...

- Phát triển du lịch: Khai thác một cách có hiệu quả nền văn hóa đa dạng của các dân tộc thiểu số góp phần bảo tồn, gìn giữ bản sắc, di sản văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên; khai thác cảnh quan các điểm du lịch hấp dẫn phục vụ cho nhu cầu nghỉ dưỡng, như: khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, Thác Ea Por ở Buôn Trung thuộc xã Cư Bông, Hồ Ea Kar, Đồi Chư Cúc. Gắn kết phát triển du lịch của huyện với phát triển du lịch của tỉnh và vùng lân cận tạo thành tuyến du lịch liên hoàn: thác Dray Sap, Buôn Đôn, Hồ Lăk, Hồ Ea Kao, Hồ Ea Nhai, Ea Kar.., với thị xã Tuy Hòa, thành phố Nha Trang. Đầu tư mạnh phát triển du lịch sinh thái phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, loại hình này vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao vừa góp phần giải quyết việc làm và chuyển đổi cơ cấu kinh tế huyện theo hướng hiện đại.

4. Các lĩnh vực xã hội:

4.1. Dân số, nguồn nhân lực:

a) *Dân số*: Phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống khoảng 1,0% vào năm 2015 và khoảng 0,95% vào năm 2020. Do điều kiện khá thuận lợi, khả năng tăng cơ học sẽ cao, nhất là khu vực trung tâm huyện mới và cụm công nghiệp; vì vậy tăng dân số chung của huyện khoảng 1,16% vào năm 2015 và 1,1% vào năm 2020; dân số huyện Ea Kar năm 2015 là 152.000 người và 160.500 người vào năm 2020.

Cùng với việc đô thị hóa trong giai đoạn này, tỷ lệ dân cư thành thị sẽ tăng cùng với thành lập thị xã và Trung tâm huyện mới; năm 2015 dân cư thành thị sẽ chiếm 31% và đến năm 2020 là 32%.

b) *Lao động và việc làm*: Giải quyết việc làm cho người lao động mỗi năm bố trí khoảng 1.100 - 1.200 chỗ làm việc mới, đào tạo nghề đạt 2,5 - 4% tổng số lao động. Nâng chất lượng nguồn nhân lực, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35% năm 2015 và lên trên 45% vào năm 2020 (trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo là đồng bào các dân tộc thiểu số đạt tối thiểu là 15% và 25% so với đồng bào dân tộc thiểu số trong các năm tương ứng).

4.2. Giáo dục - Đào tạo:

Phấn đấu đến 2015 có ít nhất 80% giáo viên đạt trên chuẩn, 100% cán bộ quản lý được đào tạo bồi dưỡng chương trình quản lý giáo dục, khuyến khích phát triển trường lớp tư thực mầm non, mẫu giáo, trường dạy nghề tư thực ở nơi có điều kiện. Phấn đấu đến năm 2015 có 40% trường chuẩn Quốc gia và đạt trên 50% vào năm 2020.

Xây dựng và phát triển hoàn chỉnh giáo dục mầm non; huy động trẻ em đến trường đúng độ tuổi đạt trên 95%. Đến năm 2015, tiếp tục duy trì học sinh trong độ tuổi đến trường học sinh tiểu học 99,5%, tăng tỷ lệ học sinh trung học cơ sở trong độ tuổi đến trường lên trên 98%. Đến năm 2020, phấn đấu tỷ lệ huy động trung học cơ sở trong độ tuổi đến trường đạt trên 99%, trên 80% học sinh

tốt nghiệp THCS đi học THPT; tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên.

Hoàn thiện và nhanh chóng ổn định mạng lưới trường THPT theo hướng chuẩn Quốc gia, trường dạy nghề, lái xe, trung tâm sát hạch xe cơ giới. Mở rộng hệ thống trường tư thục. Thành lập trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCD) ở các xã, thị trấn, bao gồm nhiều ngành nghề, lĩnh vực cần phổ cập, bồi dưỡng, hướng dẫn cho lao động nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, và các ngành dịch vụ.

Tiếp tục xây dựng, phát triển Trung tâm giáo dục thường xuyên và Trung tâm dạy nghề, trung cấp nghề, trường lái xe của huyện nhằm từng bước đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương để thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động trong giai đoạn tới. Đây mạnh hình thức đào tạo nghề lưu động ở các xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống để người lao động ở đây có điều kiện thuận lợi tham gia học nghề.

4.3. Y tế:

Tiếp tục phát triển đội ngũ công tác y tế thôn, buôn đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng. Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế các trạm y tế xã theo hướng đạt chuẩn; năm 2015 có 100% trạm y tế có bác sĩ và nữ hộ sinh trung học hoặc y sĩ sản nhi; 100% xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa huyện, khu vực, các phòng khám và các trạm y tế theo mô hình cống có và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở theo tiêu chuẩn Quốc gia. Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị y tế, ứng dụng công nghệ hiện đại trong khám, chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa huyện, khu vực; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân; thực hiện xã hội hóa y tế, khuyến khích hình thành các cơ sở y, dược tư nhân, gắn với việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các cơ sở y, dược tư nhân.

Triển khai có hiệu quả các Chương trình Quốc gia về y tế, phấn đấu thanh toán cơ bản các bệnh bướu cổ, uốn ván sơ sinh, sởi, bệnh bại liệt và bệnh phong; hạn chế tối thiểu bệnh sốt rét; phòng chống có hiệu quả tình trạng lây nhiễm HIV. Triển khai có hiệu quả công tác y tế dự phòng, đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng mở rộng; tiếp tục phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em, phấn đấu đến năm 2015 còn 15% trẻ em suy dinh dưỡng; đến năm 2020 còn dưới 10%. Phấn đấu đến năm 2015 có 85% số người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế và đến năm 2020 là 90%. Phòng chống dịch bệnh, thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm ở các cơ sở dịch vụ ăn uống, kinh doanh thực phẩm... vận động nhân dân xây dựng hố xí hợp vệ sinh, đến năm 2015 có 90% số hộ có nhà vệ sinh, năm 2020 có trên 95% số hộ; 100% rác thải y tế được xử lý.

4.4. Phát triển văn hóa thông tin, thể dục thể thao:

a) *Văn hóa, thông tin*: Tăng cường các thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa trên địa bàn nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, nhất là các lễ hội truyền thống các dân tộc trên địa bàn huyện, đặc biệt là các lễ hội của người Ê Đê. Bảo tồn văn hóa vật thể, phi vật thể, văn hóa đồng chiêng và các nhạc cụ dân tộc thiểu số. Từng bước tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa; khảo sát và đầu tư khai thác các danh lam thắng cảnh, các khu hoạt động văn hóa,

gắn với du lịch. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; thực hiện nếp sống văn minh nơi công cộng, các hương ước, quy ước buôn làng văn hóa để giảm dần các tệ nạn xã hội, chống các thủ tục mê tín dị đoan; xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan đơn vị văn hóa.

Đến năm 2015, có trên 15% xã đạt chuẩn nông thôn mới; thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị và năm 2020, tương ứng là 50%; 50%. Từng bước đầu tư các thiết chế văn hóa ở cơ sở, đến năm 2015 có 80% buôn đồng bào dân tộc thiểu số có nhà văn hóa cộng đồng. Xây dựng đầy đủ các thiết chế văn hóa thông tin ở cơ sở vào năm 2020.

b) *Thể dục - thể thao*: Phát triển phong trào thể dục thể thao toàn dân, nâng cao sức khỏe để tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển KT-XH, với mục tiêu đến năm 2015 số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên chiếm 25% dân số và năm 2020 chiếm 40% dân số. Phấn đấu đến năm 2020 là huyện có phong trào thể dục - thể thao khá trong tỉnh, 100% số trường học trên địa bàn đảm bảo giáo dục thể chất có chất lượng.

Xây dựng các đội tuyển thể thao: Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông.., theo hướng nâng cao chất lượng; thường xuyên tổ chức các đợt hội thao, thi đấu để kích phong trào thể thao toàn dân, nhằm phát hiện và bồi dưỡng vận động viên thi đấu ở cấp trên.

Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất thể dục thể thao từ trung tâm huyện đến cơ sở phục vụ cho nhu cầu luyện tập và thi đấu của nhân dân; đảm bảo mỗi xã có một khu luyện tập thể dục- thể thao.

4.5. Mức sống dân cư, chương trình giảm nghèo:

Tăng cường đầu tư cho công tác giảm nghèo, tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, nâng dần mức sống của các hộ đã thoát nghèo, đồng thời với việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, như: Tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp làm giảm tỷ lệ lao động không có việc làm ở nông thôn; giải quyết vốn vay cho hộ nghèo một cách thuận lợi; tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm; khuyến khích cán bộ kỹ thuật về công tác ở nông thôn; vận động và hướng dẫn nông dân cải thiện phương pháp canh tác. Huy động các nguồn lực tham gia vào công tác giảm nghèo một cách có hiệu quả. Bên cạnh đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, có chính sách ưu tiên và tập trung đẩy mạnh công tác giảm nghèo nhằm đảm bảo công bằng và ổn định xã hội trong quá trình phát triển. Phấn đấu giảm hộ nghèo từ 3 - 3,5% tổng số hộ nghèo theo mỗi giai đoạn theo tiêu chuẩn của Chính phủ ban hành.

4.6. Thực hiện chính sách dân tộc và chính sách xã hội khác:

Tăng cường công tác chỉ đạo và tập trung triển khai kiên quyết, đồng bộ, có hiệu quả các chương trình kinh tế - xã hội, ưu tiên thực hiện tại các xã khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quan tâm đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số, phấn đấu tăng tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số đạt trên 15% trong tổng biên chế. Tổ chức tốt việc giáo dục và nuôi dưỡng học sinh dân tộc tại các trường nội trú, trường dạy nghề. Đồng thời, huy động sự giúp đỡ của cộng đồng đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ bằng nhiều hình thức thích hợp để có được những điều kiện sống yếu, nâng cao dần mức hưởng thụ văn hóa tinh thần và vật chất cho đồng bào dân tộc.

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, toàn dân chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của các gia đình có công với nước, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Phấn đấu 100% số hộ gia đình chính sách có công có mức sống cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú và 100% xã, phường, làm tốt công tác thương binh liệt sỹ.

4.7. Phát triển khoa học, công nghệ:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sinh học vào sản xuất nông, lâm nghiệp, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, bảo quản và chế biến nông sản, công nghệ thu hoạch và sau thu hoạch một số loại nông sản như lúa, ngô, mía, cà phê, tiêu, cao su; trong chăn nuôi - thú y và bảo vệ thực vật; đổi mới các máy móc thiết bị phục vụ cho công nghiệp chế biến các nông lâm sản hàng hóa để nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao giá trị hàng hóa xuất khẩu đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Chú trọng áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ phục vụ sinh hoạt đời sống gia đình và cộng đồng nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường tự nhiên. Đào tạo bồi dưỡng và thu hút đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ về huyện làm việc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, kỹ thuật viên, cán bộ chuyên môn, đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến lâm. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ.

4.8. Bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên:

Phát triển nhanh kinh tế - xã hội huyện đi đôi với quá trình đô thị hóa sẽ tạo ra một tác động không mong muốn là khả năng làm tăng ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Do vậy, cần đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ, cải thiện và giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn để phát triển bền vững.

- Bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hoà với quá trình phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững;

- Bảo vệ môi trường là quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

- Hoạt động bảo vệ môi trường phải thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

- Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, làm ô nhiễm trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật

4.9. An ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội:

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; gắn với củng cố thế trận lòng dân. Chủ động, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ “cơ bản, liên hoàn, vững chắc”. Kiên quyết giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội để phát triển.

Cùng với việc tập trung phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn và thực hiện tốt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; giải quyết kịp thời, nhanh chóng, đúng quy định về những vấn đề phức tạp phát sinh ở nông thôn; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo. Thường xuyên làm tốt công tác phát động quần chúng, tuyên truyền giáo dục nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ an ninh, quốc phòng.

Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm, tạo chuyển biến mạnh trong lĩnh vực trật tự an toàn xã hội. Thực hiện các biện pháp nhằm lập lại trật tự an toàn giao thông; xây dựng xã hội kỷ cương, lành mạnh. Thực hiện có hiệu quả Chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm, đặc biệt chú trọng lứa tuổi thanh, thiếu niên. Nâng cao trách nhiệm của hệ thống chính trị các cấp và toàn xã hội; đồng thời đề cao trách nhiệm của mọi gia đình trong việc phòng chống tệ nạn xã hội.

5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

5.1. Giao thông: Huyện Ea Kar là trung tâm của tiểu vùng phía Đông tỉnh, có nhiều tuyến đường quan trọng kết nối với các tỉnh duyên hải miền trung. Vì vậy, phát triển giao thông trên địa bàn có tầm đặc biệt quan trọng để phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng. Gắn xây dựng hệ thống giao thông đô thị với xây dựng đường giao thông ở các xã nông thôn mới, tạo tiềm lực cho ổn định an ninh quốc phòng vùng nông thôn và thúc đẩy phát triển đô thị.

Từ nay đến năm 2020, tiếp tục củng cố, nâng cấp các công trình giao thông hiện có, hoàn chỉnh mạng lưới, xây dựng một số công trình giao thông có tính cấp thiết; nhựa hóa hoặc bê tông hóa toàn bộ tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị; cứng hóa tối thiểu 70% số km đường xã, tối thiểu 50% số km đường thôn buôn.

Quy hoạch, xây dựng 02 bến xe khách đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV, 01 bến xe tải; 01 bến xe buýt phục vụ vận chuyển hành khách đi các huyện và đến thành phố Buôn Ma Thuột; xây dựng các bãi đậu xe tải, xe con, hệ thống các trạm đỗ đón khách các tuyến xe buýt. Xây dựng trung tâm đăng kiểm xe cơ giới phục vụ đăng kiểm xe cho khu vực.

5.2. Công trình thủy lợi và hệ thống cấp nước, thoát nước:

- *Công trình cấp nước tưới:* Đẩy mạnh xây dựng công trình mới, vừa nâng cấp, duy tu những công trình hiện có để nâng cao năng lực tưới, đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, trước hết là cho cây cà phê và các cây chủ lực của huyện; Phấn đấu đến năm 2015 đảm bảo nước tưới cho 65-70% diện tích cây trồng chính có nhu cầu tưới (cây lúa nước, cà phê); đến năm 2020 đảm bảo đủ nước tưới cho trên 95% diện tích cây trồng chính có nhu cầu tưới.

Về thuỷ lợi ở vùng nông thôn, đến 2015 có 20% số xã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu về thuỷ lợi theo chương trình xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đến năm 2020 có 14/14 xã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu về tiêu chí thuỷ lợi.

- *Cấp nước sinh hoạt:* Cấp nước sinh hoạt và cấp nước cho phát triển công nghiệp được xây dựng thành ngành công nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng dân cư. Nâng cấp xây dựng các công trình cấp nước tại khu vực đô thị đã được quy hoạch, xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn trong

chương trình xây dựng xã nông thôn mới.

Đến năm 2015, đảm bảo trên 90% dân số khu vực đô thị, 80% dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch và nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đến năm 2020 đạt tỷ lệ 100%, phần đầu đạt 150 lít nước/người/ngày đêm đối với dân cư đô thị và 90 lít nước/người/ngày đêm đối với nông thôn.

- *Quy hoạch hệ thống thoát nước:*

+ Khu vực đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước đúng tiêu chuẩn để đảm bảo tiêu thoát nước. Hệ thống thoát nước thải tại các khu đô thị xây dựng cùng lúc với các tuyến giao thông đô thị.

+ Tại khu vực nông thôn: Hệ thống thoát nước mưa xây dựng theo các tuyến giao thông, đối với các khu dân cư thường xuyên bị úng cục bộ được xây dựng hệ thống thoát nước riêng; nước bẩn được xử lý cục bộ tại chỗ bằng các phương pháp hợp lý.

+ Nước thải công nghiệp: Nước thải công nghiệp được xử lý tại chỗ đảm bảo tiêu chuẩn trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực.

5.3. Cấp điện:

Đến năm 2015, phần đầu 100% thôn, buôn có điện, có 98% số hộ dùng điện và đến năm 2020 là 100% số hộ dân trên địa bàn được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng ở các đô thị và trung tâm xã.

Tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng lưới điện của huyện nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho các ngành sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt của dân cư; mở rộng mạng lưới điện cho vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

5.4. Bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình:

a) *Bưu chính viễn thông:* Đẩy mạnh xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới bưu chính, viễn thông và internet, đảm bảo hoạt động hiệu quả, an toàn và tin cậy. Từng bước phát triển ứng dụng các phương thức truy nhập băng rộng, như: Cáp quang, vô tuyến băng rộng, thông tin vệ tinh (VINASAT)...

Hoàn thiện, hiện đại mạng lưới bưu chính trên địa bàn huyện, đến năm 2015 đạt mức độ phục vụ bình quân 7.000 dân/diem phục vụ, bán kính phục vụ bình quân dưới 4,8 km. Phát triển theo các hình thức bưu cục, đại lý, điểm bưu điện văn hoá xã, kiốt. Tiếp tục nâng cấp các đường truyền cáp quang từ trung tâm huyện đến xã và thôn, buôn. Phát triển hệ thống điện thoại đến tận vùng sâu, vùng xa của huyện, phần đầu đến năm 2020 có 140 máy điện thoại (di động, cố định) và 18 thuê bao internet/100 người dân.

b) *Công tác phát thanh và truyền hình:* Để đáp ứng nhu cầu nghe nhìn trong nhân dân tập trung đầu tư thêm cơ sở vật chất, tăng thời lượng phát sóng, nhằm phổ biến kịp thời các thông tin thời sự, chế độ chính sách, tuyên truyền pháp luật, phổ biến kiến thức, sinh hoạt văn hoá, thể thao. Mạng lưới phát thanh truyền hình tiếp tục mở rộng diện phủ sóng, nâng cao chất lượng trong phát thanh, truyền hình. Nâng cấp thiết bị đài hiện có đến các thôn buôn, từng bước nâng cao chất lượng và thời lượng phát thanh chương trình của huyện, tỉnh.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Luận chứng điều chỉnh địa giới hành chính:

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/10/2012 của Tỉnh ủy Đăk Lăk về phát triển hệ thống đô thị đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 1220/QĐ-UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện nghị quyết 11-NQ/TU của Tỉnh ủy Đăk Lăk; Quyết định số 2865/QĐ-UB ngày 16/12/2005, về phê duyệt Đề án quy hoạch các đơn vị hành chính cấp huyện, xã của tỉnh Đăk Lăk đến năm 2010 và đến năm 2020. Huyện Ea Kar đến năm 2020 được chia tách như sau: Chia tách huyện Ea Kar để thành lập thị xã Ea Kar và huyện Ea Kar (mới); tách xã Cư Elang để thành lập 01 xã mới.

2. Phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư tập trung.

Xây dựng và phát triển thị xã Ea Kar (trực thuộc tỉnh) với quy mô đô thị là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội và khoa học kỹ thuật của các huyện phía Đông tỉnh Đăk Lăk. Phát triển đô thị theo trục QL 26, Tỉnh lộ 03 (phát triển từ đường huyện 07.1 - hiện nay là đường Quang Trung). Phân các khu chức năng: Các trung tâm hành chính, văn hóa; trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch; trung tâm giáo dục, y tế; khu công viên cây xanh và khu ở.

Xây dựng thị trấn Ea Knopp là trung tâm huyện mới (đô thị loại V).

Trung tâm các xã, thị trấn được quy hoạch phát triển với chức năng phục vụ nhu cầu toàn xã và có tính chất liên xã. Quy hoạch các công trình công cộng trên địa bàn, bố trí dân cư với việc đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu về giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường, từng bước tổ chức các trung tâm xã, thị trấn theo hướng hiện đại.

Các điểm dân cư nông thôn được tổ chức thành các thôn, buôn, đầu tư xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ nhu cầu của nhân dân, như: trụ sở thôn, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà trẻ, mẫu giáo, sân luyện tập thể thao...

3. Phương hướng chung về phát triển theo lãnh thổ:

Trên cơ sở vị trí địa lý và tiềm năng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến 2015 huyện sẽ hình thành 01 thị xã tại vùng trung tâm huyện và thị trấn Ea Knopp, đến năm 2020 sẽ có cụm công nghiệp Ea Tyh; dự kiến phân chia các vùng kinh tế phát triển của huyện đến năm 2020 như sau:

3.1. Vùng kinh tế động lực:

Thị xã Ea Kar và thị trấn Ea Knopp được xác định là 02 trọng tâm, trong đó thị xã Ea Kar đóng vai trò động lực phát triển kinh tế liên huyện; thị trấn Ea Knopp là vùng phát triển kinh tế xã hội có tầm ảnh hưởng thúc đẩy các xã xung quanh cùng phát triển.

3.2. Các tiểu vùng phát triển kinh tế:

- Tiểu vùng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ và sản xuất nông nghiệp khu vực trung tâm thị xã Ea Kar - xã Ea Dar - thị trấn Ea Knopp - xã Ea Týh:

Thị xã Ea Kar và thị trấn Ea Knopp sẽ đóng vai trò trung tâm thương mại-dịch vụ, trong giai đoạn tới khi mạng lưới giao thông xây dựng hoàn chỉnh với Quốc lộ 26, Tỉnh lộ 3, Quốc lộ 29 giao thông nối với tỉnh Phú Yên sẽ là điều kiện phát triển thương mại - dịch vụ với tốc độ cao. Cụm công nghiệp Ea Dar

đóng vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện đang đi vào sản xuất ổn định; việc hình thành cụm công nghiệp Ea Týh sẽ là tiền đề phát triển trực theo hướng Đông - Tây dọc theo Quốc lộ 26.

- Tiểu vùng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản - công nghiệp, TTCN – dịch vụ bao gồm tất cả các xã còn lại.

Xây dựng phát triển xã nông thôn mới: Mục tiêu cụ thể thời kỳ 2011 - 2015: Xây dựng 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: xã Ea Ô, xã Ea Týh, trong đó chọn 01 xã điểm của tỉnh là xã Ea Ô và 01 xã điểm của huyện là xã Ea Týh; thời kỳ 2016-2020: Xây dựng 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: xã Xuân Phú, Cư Huê, Ea Đar, Ea Păl, Cư Yang, Ea Sar, Cư ni, Ea Kmút và xã Ea Sô. Đến năm 2030, toàn bộ các xã trên địa bàn huyện Ea Kar hoàn thành đạt chuẩn theo 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH:

1. Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phương án quy hoạch:

Để thực hiện quy hoạch, trước hết phải phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nội dung của quy hoạch phải được cán bộ, Đảng viên quán triệt và cán bộ, Đảng viên phải là người gương mẫu, đi đầu trong mọi công tác, đặc biệt công tác phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Các cán bộ trong nhiệm kỳ công tác của mình đều phải nắm rõ quy hoạch và thông qua quy hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo công việc mà mình phụ trách. Không để xảy ra tình trạng cán bộ lãnh đạo không biết quy hoạch và không làm theo quy hoạch, khi quy hoạch đó thật sự cần thiết cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Ea Kar. Để tăng cường vai trò lãnh đạo cần tập trung vào một số nội dung cụ thể sau:

+ Tăng cường vai trò cấp uỷ đảng các cấp, bảo đảm lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn huyện: Trên cơ sở các mục tiêu của Đại hội Đảng bộ các cấp và các mục tiêu của phương án quy hoạch cần có kế hoạch hoạt động cụ thể và thường xuyên năm bắt cụ thể tình hình, nhanh chóng giải quyết các vấn đề bức về kinh tế - xã hội của nhân dân.

+ Tập trung chỉ đạo tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong nội bộ và tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, xây dựng nếp sống văn hoá. Tăng cường vai trò của cán bộ cơ sở và thông qua đội ngũ cán bộ cốt cán để giáo dục nâng cao nhận thức của nhân dân.

+ Xây dựng thực lực chính trị cơ sở, chú trọng đến vai trò và vị trí buôn thôn: Tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng quản lý của hệ thống chính trị cơ sở, trong đó tăng cường bồi dưỡng, củng cố vai trò ban tự quản các tổ dân phố phố và buôn thôn, để có đủ năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành các mặt đời sống xã hội.

Thực chất của việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên địa bàn vừa là điều kiện tiền đề, đồng thời cũng là một động lực trong việc phát triển kinh tế xã hội. Việc thực hiện quy hoạch cũng như các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phụ thuộc vào kết quả của công cuộc cải cách hành chính. Vì vậy, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính là việc làm rất quan trọng của huyện Ea Kar trong thời gian tới, huyện cần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tại tất cả các cấp, từng bước hiện đại hóa phương tiện làm việc của các cơ quan công quyền, hoàn thiện bộ

PHỤ LỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
ĐẾN NĂM 2020 CỦA HUYỆN EA KAR

(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-UBND ngày 18 / 4/2014 của UBND tỉnh)

| TT | Danh mục | Địa điểm | Năm thực hiện | Nguồn vốn |
|----------|--|--------------------|------------------|---------------------|
| A | Cấp nước - Thuỷ lợi | | | |
| I | Công trình cấp nước tập trung | | | |
| 1 | Công trình cấp nước Ea Kar | TT Ea Kar | 2015-2020 | ODA, Đối ứng |
| 2 | Công trình cấp nước thị trấn Ea Knôp | TT Ea Knôp | 2016-2020 | Ngân sách |
| II | CT cấp nước sạch nông thôn | Các xã | 2014-2020 | Ngân sách, huy động |
| III | Nâng cấp, xây mới công trình cấp nước tưới | | | " |
| 1 | Công trình nâng cấp | | 2016-2020 | " |
| 1.1 | Ea Tao | Xuân Phú | " | " |
| 1.2 | Xuân Phú 1 | Xuân Phú | " | " |
| 1.3 | Ea Taul | Ea Dar | " | " |
| 1.4 | Ea Kdruol | TT Ea Kar | " | " |
| 2 | Các công trình xây mới giai đoạn đầu | | 2013-2015 | |
| 2.1 | H.Ea Rót | Cư Elang | " | Ngân sách |
| 3 | Các công trình xây mới giai đoạn sau | | 2016-2020 | |
| 3.1 | Hồ chứa nước Krông Păk thượng | Cư Elang | " | Ngân sách |
| 3.2 | H.Ea Bra thượng | Ea Sô | " | Ngân sách |
| 3.3 | H.Ea Km' Hiang | Ea Sô | " | Ngân sách |
| B | Điện | | | |
| 1 | Điện nông thôn | Toàn huyện | 2013-2018 | Ngành điện |
| 2 | Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường từ trung tâm thị trấn Ea Kar đi xã Cư Ni, huyện Ea Kar | Ea Kar, Cư Ni | 2013-2016 | Ngân sách; huy động |
| 3 | Xây dựng via hè, cây xanh hai bên QL 26 đoạn qua trung tâm huyện Ea Kar và đường Ea Kar đi Cư Ni | Ea Kar, Cư Ni | 2016-2020 | Ngân sách, huy động |
| C | Giao thông | | | |
| 1 | Các tuyến đường huyện | | 2013-2020 | |
| 2 | Đường xã, thị trấn | | | |
| 2.1 | Đường giao thông trung tâm 2 thị trấn | Ea Kar | 2014-2020 | Ngân sách |
| 2.2 | Đường giao thông liên huyện từ xã Ea Ô, Ea Kar đi xã Cư Pui, Krông Bông (TL12A) | Ea Kar, Krông Bông | 2016-2020 | Ngân sách |
| 2.3 | ĐGT liên xã từ xã Ea Đar đi xã Ea Sar | Liên xã | 2016-2020 | Ngân sách |
| 2.4 | ĐGT liên xã Xuân Phú – Ea Sô, huyện Ea Kar | Liên xã | 2016-2020 | Ngân sách |
| 2.5 | ĐGT liên xã Ea Ô – Cư Elang | Liên xã | 2016-2020 | Ngân sách |
| 2.6 | ĐGT liên xã Cư Bông – Ea Ô | Liên xã | 2016-2020 | Ngân sách |
| 2.7 | ĐGT liên xã từ Km 58 QL 26 xã Ea Đar đi xã Cư Ni | Liên xã | 2016-2020 | Ngân sách |
| 2.8 | Đường nội vùng 07 buôn xã Cư Huê | Cư Huê | 2016-2020 | Ngân sách |
| 2.9 | Đường nội buôn xã Ea Đar | Ea Đar, | 2016-2020 | Ngân sách |
| 2.10 | Đường nội buôn xã Ea Kmut | Ea Kmut | 2016-2020 | Ngân sách |
| 2.11 | Bến xe huyện mới | TT Ea Knôp | 2016-2020 | Ngân sách, huy động |
| D | Vệ sinh môi trường | | | |
| | Nhà máy xử lý nước thải CCN Ea Dar | Ea Dar | 2014-2020 | Ngân sách |
| | Bãi rác và hệ thống xử lý rác thải huyện | TT Ea Kar | 2014-2020 | Ngân sách |
| | Nhà máy xử lý nước thải Thị xã Ea Kar | Ea Dar | 2016-2020 | Ngân sách |
| | Ứng phó với BĐKH, cải thiện môi trường hồ Ea Kar | TT Ea Kar | 2014-2020 | Ngân sách |
| E | Giáo dục | | | |
| 1 | Bậc học mẫu giáo, mầm non | Các xã | 2013-2015 | Ngân sách, |

| TT | Danh mục | Địa điểm | Năm thực hiện | Nguồn vốn |
|-----------|--|---------------------|--------------------------|------------------------|
| 2 | Trường Tiểu học Huỳnh Thúc Kháng xã Ea Sô | Ea Sô | 2014-2015 | Ngân sách huy động |
| 3 | Trường THCS Lý Tự Trọng xã Ea Sô | Ea Sô | 2014-2015 | Ngân sách |
| 2 | Trường Dân tộc nội trú (huyện mới) | Thị trấn | 2016-2020 | Ngân sách |
| 3 | Trung tâm giáo dục thường xuyên (huyện mới) | Thị trấn | 2016-2020 | Ngân sách |
| 4 | Trung tâm dạy nghề huyện (huyện mới) | Thị trấn | 2016-2020 | Ngân sách |
| G | Y Tế | | | |
| | Trung tâm y tế (huyện mới) | Thị trấn | 2016-2020 | Ngân sách |
| H | Văn Hoá-Xã hội | | | |
| 1 | Sân vận động và nhà thi đấu | Thị xã Ea Kar | 2016-2020 | Ngân sách, huy động |
| 2 | Hoa viên, quảng trường | 2 thị trấn | 2016-2020 | Ngân sách |
| 3 | Nghĩa trang huyện | Thị trấn | 2016-2020 | Ngân sách |
| I | Xây dựng công sở | | | |
| 1 | Trụ sở các cơ quan huyện mới | Thị trấn | 2016-2020 | Ngân sách |
| K | Các chương trình, dự án kêu gọi đầu tư | | | |
| 1 | Các dự án Chế biến nông sản | Cụm CN | 2014-2020 | Doanh nghiệp |
| 2 | Các dự án khai thác, sản xuất vật liệu XD | Các xã, TT | 2014-2020 | Doanh nghiệp |
| 3 | Dự án sản xuất phân bón | Cụm CN | 2014-2020 | Doanh nghiệp |
| 4 | Các dự án sản xuất hàng tiêu dùng | Cụm CN | 2014-2020 | Doanh nghiệp |
| 5 | Các dự án phát triển nông nghiệp | Các xã | 2013-2020 | Doanh nghiệp |
| 6 | Dự án phát triển chợ, siêu thị | Các xã, thị trấn | 2014-2020 | Doanh nghiệp |
| 7 | Các dự án phát triển du lịch | Các xã, thị trấn | 2014-2020 | Doanh nghiệp |
| M | Các dự án quy hoạch | | 2013-2020 | Ngân sách |
| N | Công trình vốn sự nghiệp | | 2013-2020 | Ngân sách |
| O | Công trình vốn Chương trình mục tiêu quốc gia | Các xã | 2013-2015 | Ngân sách |